

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO
VÀ CÁC CHỈ TIÊU LIÊN QUAN “BỘ CHỈ SỐ
PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP”
NĂM 2025**

NỘI DUNG BÁO CÁO

1 NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO

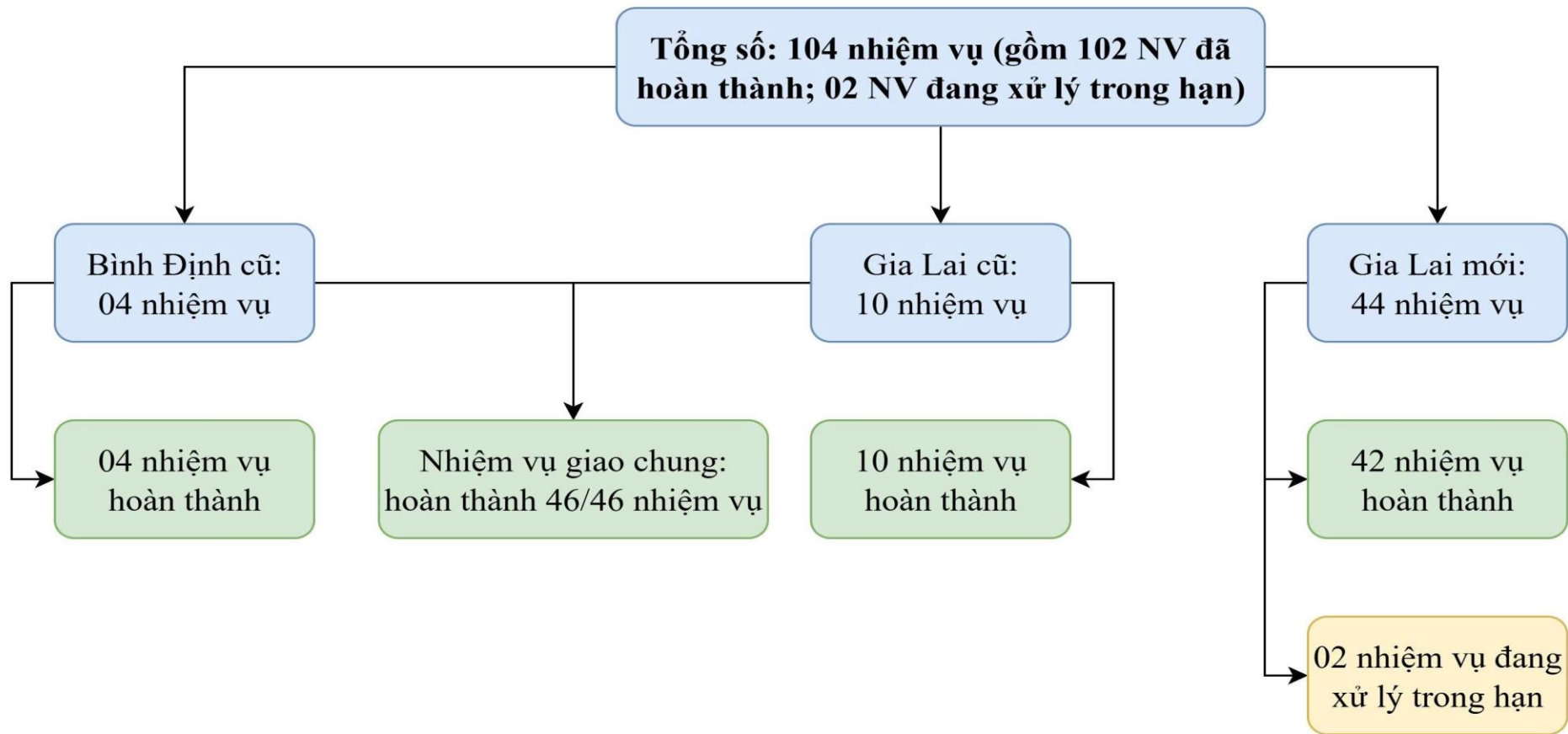
2 NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM

3 NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN DO UBND TỈNH GIAO

4 KẾT QUẢ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

5 KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO



I. NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO

Danh sách **02 nhiệm vụ** cần tập trung xử lý từ nay đến cuối năm:

- ❖ **Nhiệm vụ 1:** triển khai Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 06/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả các nhiệm vụ giao tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương.
- **Tiến độ thực hiện:** UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 6713/UBND-KGVX ngày 19/11/2025 chỉ đạo các sở ngành triển khai Danh mục 43 nhiệm vụ về KHCCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đến hết năm 2025.
- ❖ **Nhiệm vụ 2:** triển khai Công điện số 224/CĐ-TTg ngày 20/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuẩn bị tổ chức Lễ Khánh thành, khởi công các dự án, công trình quy mô lớn, ý nghĩa chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (**hạn xử lý: 10/12/2025**).
- **Tiến độ thực hiện:** Đến nay, có **06** dự án đã đảm bảo đủ điều kiện khởi công; **02** dự án không đảm bảo đủ điều kiện khởi công và **07** dự án đang tiếp tục đôn đốc các công việc để đảm bảo điều kiện khởi công.

II. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM

STT	Đơn vị	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ		
		Nhiệm vụ theo tháng	Nhiệm vụ theo quý	Nhiệm vụ theo năm
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	8/10	2/4	0/2
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	9/10	1/4	3/5
3	Sở Công Thương	3/5	11/15	1/3
4	Sở VHTDL	23/25	9/17	2/11
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	3/4	2/5	1/2
6	Sở Xây dựng	11/11	6/9	0/9
7	Sở Tài chính	11/15	5/8	1/4
8	Sở Khoa học và Công nghệ	6/7	0/3	0/4

STT	Đơn vị	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ		
		Nhiệm vụ theo tháng	Nhiệm vụ theo quý	Nhiệm vụ theo năm
9	Sở Ngoại vụ	7/8	4/7	0/2
10	Sở Nội vụ	10/10	4/4	3/5
11	Sở NNMT	6/8	5/8	0/6
12	Sở Tư pháp	7/10	9/10	2/2
13	Sở Y tế	8/20	-	-
14	Thanh tra tỉnh	4/5	7/7	1/1
15	Công an tỉnh	6/10	-	-
	TỔNG CỘNG	122/158	65/101	14/56

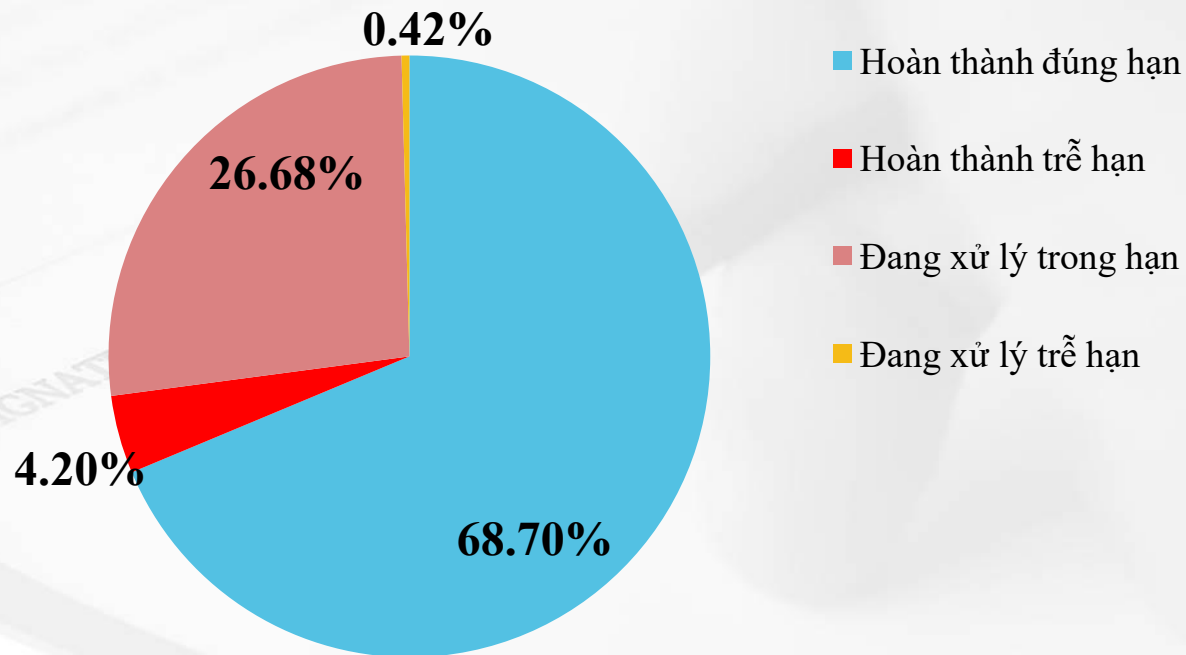
Tổng số nhiệm vụ trọng tâm các tháng cuối năm 2025 (theo Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh): **315 nhiệm vụ**. Kết quả đến nay, các sở ngành đã hoàn thành:

- **122/158** nhiệm vụ theo tháng, còn 36 nhiệm vụ tháng 12 chưa hoàn thành.
- **65/101** nhiệm vụ theo quý, còn 36 nhiệm vụ quý IV chưa hoàn thành.
- **14/56** nhiệm vụ theo năm, còn 42 nhiệm vụ chưa hoàn thành.

III. NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN

Tính từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/11/2025, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao tổng số 5.026 nhiệm vụ. Trong đó:

- (i) Đã hoàn thành 3.664 nhiệm vụ (3.453 nhiệm vụ đúng hạn và 211 nhiệm vụ trễ hạn);
- (ii) Đang xử lý 1.362 nhiệm vụ (1.341 nhiệm vụ trong hạn và 21 nhiệm vụ trễ hạn).



Tình hình thực hiện nhiệm vụ thường xuyên (từ ngày 01/11 – 30/11/2025)

Cơ quan	Tổng nhiệm vụ	Đang xử lý			Đã xử lý		
		Trễ hạn	Trong hạn	Tổng đang xử lý	Trễ hạn	Trong hạn	Tổng đã xử lý
BQL Khu kinh tế tỉnh	209		43	43	5	161	166
Sở Công Thương	336		59	59	5	272	277
Sở Dân tộc và Tôn giáo	90		31	31	11	48	59
Sở Giáo dục và Đào tạo	151		26	26	1	124	125
Sở Khoa học và Công nghệ	262		76	76	20	166	186
Sở Nông nghiệp và Môi trường	989	19	472	491	131	367	498
Sở Ngoại vụ	165		27	27	22	116	138
Sở Nội vụ	394	2	106	108	16	270	286
Sở Tài chính	1285		293	293		992	992
Sở Tư pháp	163		15	15		148	148
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	144		33	33		111	111
Sở Xây dựng	528		99	99		429	429
Sở Y tế	109		7	7		102	102
Thanh tra tỉnh	201		54	54		147	147
Tổng cộng	5026	21	1341	1362	211	3453	3664

IV. KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ CỦA CÁC XÃ, PHƯỜNG

Từ ngày 01/10 đến ngày 30/11/2025:

Thống kê theo đơn vị xử lý

Đơn vị xử lý chính	Tiếp nhận	Đã trả lời	Đang xử lý trong hạn
Sở Giáo dục và Đào tạo	4	4	
Sở Khoa học và Công nghệ	1	1	
Sở Nội vụ	7	7	
Sở Nông nghiệp và Môi trường	6	5	1
Sở Tài chính	4	4	
Sở Tư pháp	7	7	
Sở Xây dựng	2	2	
Trung tâm PVHCC tỉnh	110	109	1
Tổng cộng	141	139	2

Thống kê theo lĩnh vực

Đơn vị xử lý chính	Tiếp nhận
CNTT, chuyển đổi số	1
Giáo dục	4
Hành chính công	108
Kế hoạch, quy hoạch	2
Khoa học công nghệ	1
Nội vụ	7
Nông nghiệp	1
Tài chính, ngân sách	3
Tài nguyên, môi trường	5
Tư pháp – Hộ tịch	7
Xây dựng	2
Tổng cộng	141

V. KẾT QUẢ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Tính đến ngày 02/12/2025, tỉnh Gia Lai đạt **91,06 điểm** (tăng 0,77 điểm và tăng 02 bậc so với tháng 10/2025), xếp vị trí thứ **5/34** tỉnh, thành phố trên cả nước là 1 trong 12 địa phương được xếp loại **Xuất sắc**.

Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp

STT	Tỉnh/Thành phố	Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tổng điểm
1	UBND tỉnh Bắc Ninh	15.82	19.42	18.53	17.86	21.14	92.77
2	UBND Thành phố Hải Phòng	15.51	19.83	18.36	17.63	21.03	92.36
3	UBND tỉnh Đồng Nai	16.01	19.28	18.44	17.27	21.2	92.2
4	UBND tỉnh Quảng Trị	15.61	19.47	17.52	17.76	20.98	91.34
5	UBND tỉnh Gia Lai	15.35	19.37	17.85	17.79	20.7	91.06
6	UBND tỉnh Cà Mau	15.98	19.47	16.56	17.88	20.94	90.83
7	UBND tỉnh Quảng Ninh	14.94	18.53	18.45	17.7	20.99	90.61
8	UBND tỉnh An Giang	15.28	19.24	18.19	17.84	20	90.55
9	UBND tỉnh Thái Nguyên	15.61	19.56	16.82	17.8	20.73	90.52
10	UBND tỉnh Lai Châu	15.55	19.49	16.78	18	20.67	90.49
11	UBND tỉnh Lâm Đồng	15.38	18.99	17.92	17.64	20.12	90.05

KẾT QUẢ TỪNG CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

STT	Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Điểm trung bình cả nước	Kết quả đạt được của tỉnh	
				Điểm đạt được	Vị thứ
1	Công khai, minh bạch	18	9,2	15,35	5/34
2	Tiến độ giải quyết	20	16,7	19,37	5/34
3	Dịch vụ công trực tuyến	12	4,5	8,22	5/34
4	Thanh toán trực tuyến	10	6,7	9,63	5/34
5	Số hóa hồ sơ	22	16,8	20,7	13/34
6	Mức độ hài lòng	18	16,5	17,79	5/34
Kết quả chung của Chỉ số		100	70,4	91,06	5/34
Xếp loại				Xuất sắc	

- Hầu hết các chỉ số thành phần đều đạt vị thứ cao hơn so với kết quả tháng 10.
- Các chỉ số có sự cải thiện ở mức khá so với tháng 10 là: Thanh toán trực tuyến (tăng 0,35 điểm), Số hóa hồ sơ (tăng 0.41 điểm).

BẢNG XẾP HẠNG BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TỈNH GIA LAI NĂM : 2025

Báo cáo xếp hạng 13 đơn vị của tỉnh Gia Lai về chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp năm 2025 cho thấy toàn bộ các đơn vị đều đạt kết quả xuất sắc hoặc tốt. 10 đơn vị đạt loại Xuất sắc và 3 đơn vị đạt loại Tốt.

TOP 5 ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU



Vị trí 1

Sở Nông nghiệp và
Môi trường - tỉnh Gia Lai

98.5

TỔNG ĐIỂM

Xếp Loại

XUẤT SẮC



Vị trí 2

Sở Ngoại vụ
- tỉnh Gia Lai

97.8

TỔNG ĐIỂM

Xếp Loại

XUẤT SẮC



Vị trí 3

Sở Văn hóa, Thể thao
và Du lịch - tỉnh Gia Lai

96.9

TỔNG ĐIỂM

Xếp Loại

XUẤT SẮC



Vị trí 4

Sở Tư pháp
- tỉnh Gia Lai

96.2

TỔNG ĐIỂM

Xếp Loại

XUẤT SẮC



Vị trí 5

Sở Y tế
- tỉnh Gia Lai

95.7

TỔNG ĐIỂM

Xếp Loại

XUẤT SẮC



Dữ liệu điểm xếp hạng từ Cổng DVCQG: 02/12/2025 05:17:22

BẢNG XẾP HẠNG BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TỈNH GIA LAI NĂM : 2025

TOP 5 ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU

- UBND phường Hoàì Nhơn Bắc**
Tổng điểm: 94,98% / Xếp Loại: Xuất sắc
- UBND phường Hoàì Nhơn Đông**
Tổng điểm: 94,93% / Xếp Loại: Xuất sắc
- UBND phường Hoàì Nhơn**
Tổng điểm: 94,85% / Xếp Loại: Xuất sắc
- UBND phường Hoàì Nhơn Nam**
Tổng điểm: 94,77% / Xếp Loại: Xuất sắc
- UBND phường Tam Quan**
Tổng điểm: 94,75% / Xếp Loại: Xuất sắc

5 ĐƠN VỊ CẦN CẢI THIỆN

- UBND xã Lơ Pang**
Tổng điểm: 82,18% / Xếp Loại: Tốt
- UBND xã Ia Hung**
Tổng điểm: 88,15% / Xếp Loại: Tốt
- UBND xã Ia Sao**
Tổng điểm: 88,23% / Xếp Loại: Tốt
- UBND xã Ia O**
Tổng điểm: 89,08% / Xếp Loại: Tốt
- UBND xã Ia Hrú**
Tổng điểm: 89,35% / Xếp Loại: Tốt

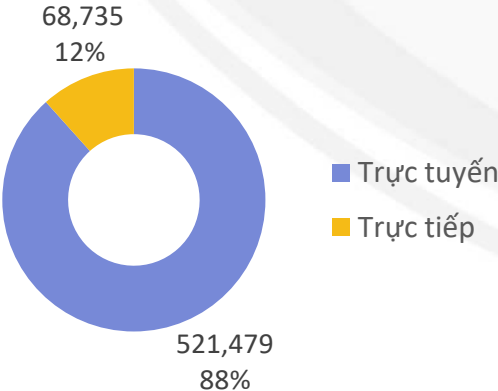
TIÊU CHÍ XẾP LOẠI: 90-100 điểm (Xuất sắc), 80-90 điểm (Tốt),
70-80 điểm (Khá), 50-70 điểm (Trung bình), Dưới 50 điểm (Yếu)

V. KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

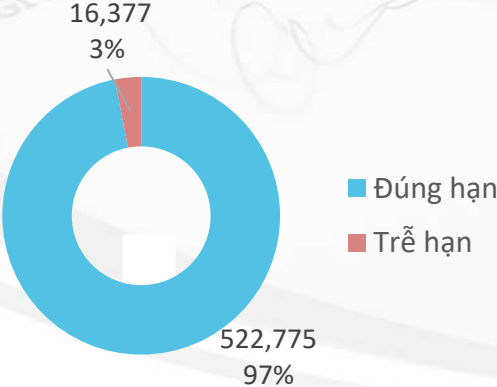
Từ ngày 01/7 đến ngày 30/11/2025:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			
Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ HS trực tuyến	Tổng số	Trước và đúng hạn	Trễ hạn	Tỷ lệ đúng hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trong hạn
	Trực tuyến	Trực tiếp									
590.214	521.479	68.735	88%	539.152	522.775	16.377	97%	51.062	46.017	5.045	90%

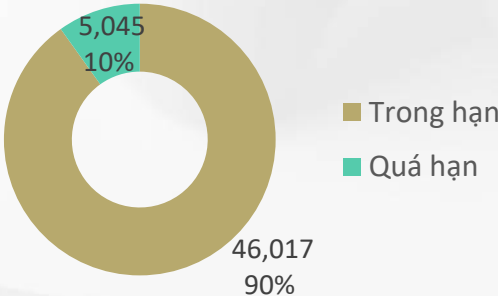
Hồ sơ tiếp nhận



Hồ sơ đã giải quyết



Hồ sơ đang giải quyết



KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TTHC ĐỐI VỚI CẤP XÃ

94.9%

Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trung bình của cấp xã

Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến

- 46/135 xã, phường có tỷ lệ HS trực tuyến **đạt 99%-100%**
Nổi bật: Quy Nhơn, Hoài Nhơn Bắc, Tuy Phước Đông.
- 03 xã có tỷ lệ trực tuyến thấp nhất:
 - Xã Bờ Ngoong: 55%/tổng số 1.801 hồ sơ
 - Xã Chư A Thai: 70.5%/tổng số 3.870 hồ sơ
 - Xã Mang Yang: 72.5%/tổng số 4.021 hồ sơ

97.3%

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn trung bình của cấp xã

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn

- 54/135 xã, phường có tỷ lệ hồ sơ đúng hạn **đạt 99%-100%**.
Nổi bật: Quy Nhơn Nam, Hoài Nhơn Đông, Tuy Phước.
- 03 xã có tỷ lệ đúng hạn thấp nhất:
 - Xã Kon Gang: 78.2%/tổng số 2.561 HS đã giải quyết
 - Xã Ia dom: 82.7%/tổng số 975 HS đã giải quyết
 - Xã Gào: 86.1%/tổng số 1.972 HS đã giải quyết

Một số địa phương đạt kết quả tốt

Phường Quy Nhơn: > 14.700 hồ sơ

Trực tuyến: 99.6%; **Đúng hạn:** 98%

Phường Quy Nhơn Nam: > 10.800 hồ sơ

Trực tuyến: 99%; **Đúng hạn:** 99%

Một số địa phương cần cải thiện

Xã Đăk Song: 348 hồ sơ

Trực tuyến: 97%; **Đúng hạn:** 97%

Xã Ia Sao: 781 hồ sơ

Trực tuyến: 73%; **Đúng hạn:** 97%

VI. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

❖ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Các sở, ngành thuộc tỉnh đẩy nhanh tiến độ đối với **114 nhiệm vụ trọng tâm** chưa hoàn thành theo Chương trình công tác trọng tâm của UBND tỉnh và **02 nhiệm vụ** do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh trên “Hệ thống theo dõi nhiệm vụ”.
2. Các sở, ngành (Công Thương, Tài chính, NNMT, Xây dựng, Ngoại vụ, BQL Khu kinh tế...) rà soát, giải quyết dứt điểm kiến nghị của các doanh nghiệp được giao tại các Thông báo kết luận của Lãnh đạo UBND tỉnh tại Hội nghị gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn thúc đẩy môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh.
3. Các sở, ngành có nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 5 (kỳ họp thường lệ) nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban HĐND và hoàn thiện, bổ sung hồ sơ trình kỳ họp HĐND bảo đảm tiến độ, chất lượng.
4. Các sở, ngành đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm, các đề án, cơ chế, chính sách lớn, có tính mới, đột phá và không trùng lặp các nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị, gửi về Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, ban hành.

VI. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. Đôn đốc các dự án chưa đảm bảo điều kiện khởi công để chuẩn bị tổ chức Lễ khánh thành, khởi công chào mừng Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.
6. Hoàn thành việc xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung xây dựng cấp xã; rà soát, đẩy nhanh tiếp độ các chương trình, đề án trọng tâm và dự án, công trình lớn đã phê duyệt.
7. Tập trung ra quân thần tốc hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người dân bị thiệt hại do bão số 13 và mưa lũ trên địa bàn tỉnh.
8. Xây dựng Danh mục công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục công trình, dự án sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; danh mục đầu thầu; danh mục đấu giá năm 2026 trên địa bàn tỉnh.

VI. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

❖ ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Các sở, ngành, UBND cấp xã: tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn, cải thiện và nâng cao **“Chỉ số cải cách hành chính năm 2025”** và **“Chỉ số 766”** của tỉnh theo chỉ đạo tại Công văn số 7178/UBND-PVHCC ngày 28/11/2025 và Công văn số 6692/UBND-PVHCC ngày 19/11/2025. Tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị điều tra của Bộ Nội vụ và của tỉnh để tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước năm 2025.
2. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết 66.7/NQ-CP về cải cách TTHC dựa trên dữ liệu. Trước mắt, tiếp tục rà soát toàn bộ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý để xác định những thành phần hồ sơ **có thể được thay thế bằng thông tin, dữ liệu** trong các CSDL quốc gia và CSDL chuyên ngành để báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.
3. Ban hành Kế hoạch triển khai thí điểm Kiosk dịch vụ công đặt tại các Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực, trụ sở Công an các xã, phường, các đồn Biên phòng, doanh trại quân đội và các vị trí phù hợp khác trên địa bàn tỉnh để tiếp nhận TTHC cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp.



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!
